

MÔ HÌNH LÀN SÓNG VÀ SỰ KHUẾCH TÁN KHÔNG GIAN CỦA MỘT HIỆN TƯỢNG BIẾN ĐỔI PHƯƠNG NGỮ Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

TRINH CẨM LAN¹

Abstract: This article investigates the spatial diffusion of the merger between retroflex consonants /t/, /s/, /z/ with their corresponding laminal/apical counterparts (/c/, /s/, /z/) in the Red River Delta, employing the theoretical framework of the Wave Model. Utilizing survey data from 344 residential locations processed via ArcGIS Online, the study analyzes the distribution of phonetic variants in relation to geographical and social factors. The findings identify Hanoi as the primary innovation center from which the phonetic merger wave originates most strongly. The linguistic change spreads through a neighboring effect, with merger rates decreasing as the distance from the innovation center increases. Remote coastal and semi-mountainous regions currently serve as relic areas, preserving archaic phonetic features due to braking effects and time lags. The study concludes that the phonetic landscape of this region is a dialect continuum undergoing gradual "leveling" driven by innovative impulses from the center.

Keywords: wave model, spatial diffusion, Red River Delta, phonetic merger, dialect continuum, dialect leveling.

1. Dẫn nhập

Trong nghiên cứu phương ngữ học hiện đại, việc giải thích cơ chế lan truyền của các biến đổi ngôn ngữ theo không gian và thời gian luôn là một vấn đề trọng tâm. Nếu mô hình Phá hệ (Tree Model) tập trung vào sự chia tách và phân nhánh của các ngữ hệ, thì mô hình Làn sóng (Wave Model) lại cung cấp một góc nhìn động về sự khuếch tán các biến đổi ngôn ngữ. Theo mô hình này, một hiện tượng biến đổi ngôn ngữ sẽ khởi phát từ một tâm điểm (vùng tiêu điểm) và lan toả ra các khu vực xung quanh như những làn sóng đồng tâm, trong đó cường độ biến đổi thường giảm dần theo khoảng cách địa lý và chịu tác động của các rào cản địa lý hoặc xã hội.

Tại Việt Nam, khu vực Đồng bằng sông Hồng với lịch sử định cư lâu đời và mạng lưới giao thông, giao thương dày đặc, là một địa bàn lý tưởng để quan sát các làn sóng biến đổi phương ngữ. Một trong những hiện tượng biến âm đáng chú ý nhất tại đây là sự hợp nhất của các phụ âm quặt lưỡi /t/, /s/, /z/ (tương ứng với các chữ cái *tr*, *s*, *r*) vào các phụ âm đầu lưỡi và mặt lưỡi (/c/, /s/, /z/). Mặc dù hiện tượng này đã được ghi nhận trong nhiều công trình trước đây, nhưng việc lượng hoá sự khuếch tán của nó trên một diện rộng vẫn còn hạn chế.

Bài viết này giới thiệu mô hình Làn sóng và vận dụng lý thuyết này để phân tích sự phân bố các xu hướng phát âm các phụ âm /t/, /s/, /z/ ở Đồng bằng sông Hồng. Bản đồ phân bố được xây dựng bằng sự kết hợp công nghệ Hệ thống Thông tin Địa lý (GIS) và ứng dụng ArcGIS Online để hiển thị dữ liệu khảo sát các mô hình phát âm /t/, /s/, /z/ từ 344 điểm dân cư tại Đồng bằng sông Hồng.

Nghiên cứu tập trung vào hai mục tiêu chính:

- (1) Giới thiệu tổng quan về Mô hình làn sóng.
- (2) Phân tích sự phân bố các mô hình phát âm trên bản đồ với việc: i. Xác định vùng tiêu điểm khởi phát làn sóng hợp nhất ngữ âm; ii. Phác hoạ cấu trúc không gian của sự biến đổi từ trung tâm đô thị đến các vùng ngoại vi; và iii. Nhận diện các “vùng di tích”, nơi các đặc trưng ngữ âm cổ vẫn được bảo lưu trước sức ép của sự “san bằng” phương ngữ.

Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần minh chứng cho giá trị của mô hình làn sóng trong điều kiện cụ thể của tiếng Việt mà còn cung cấp một phương pháp tiếp cận mới trong việc trực quan hoá dữ liệu phương ngữ bằng bản đồ số.

2. Mô hình làn sóng

2.1. Một vài khái niệm cơ bản

Mô hình làn sóng là mô hình nền tảng được sử dụng để giải thích sự biến đổi và quan hệ giữa các phương ngữ. Mô hình này được xây dựng dựa trên giả định rằng các đổi mới ngôn ngữ thường khởi phát từ một điểm và lan truyền liên tục, đều đặn ra các khu vực xung quanh theo cơ chế của những làn sóng. Hình ảnh ẩn dụ phổ biến nhất cho mô hình này là “hiệu ứng viên sỏi ném xuống ao” (pebble-in-

¹ Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: tclan.vnu@gmail.com

a-pond effect) (Chambers & Trudgill, 1998:166): tâm điểm đổi mới là điểm rơi của viên sỏi, điểm ra này tạo ra các vòng sóng lan toả ra xung quanh. Theo đó, sự biến đổi ngôn ngữ được tiếp nhận dần dần bởi các cộng đồng lân cận (Meyerhoff, 2018:291). Để hiểu bản chất và cơ chế lan truyền của mô hình làn sóng, cần có một bộ khái niệm công cụ liên quan mà bài viết sẽ trình bày dưới đây:

Vùng tiêu điểm (Focal area) hay *trung tâm đổi mới (Innovation center)* được xác định là vị trí địa lý nơi khởi phát một sự biến đổi ngôn ngữ và từ đó lan toả ra các khu vực ngoại vi. Những trung tâm này thường là các đô thị lớn hoặc khu vực có vị thế văn hoá - xã hội phát triển, tạo ra tâm lý ngưỡng mộ hoặc mong muốn cải thiện vị thế ở người nói tại các vùng khác, dẫn đến xu hướng mô phỏng theo cách nói năng của trung tâm. Vùng tiêu điểm không chỉ là một điểm mốc địa lý mà còn là một động lực văn hoá - xã hội, đóng vai trò là “máy cái” điều tiết tốc độ và hướng đi của các làn sóng ngôn ngữ trong một khu vực địa lý nhất định (Chambers & Trudgill, 1998:166).

Vùng di tích (Relic areas), còn gọi là *vùng bảo thủ*, là vùng trái ngược với các trung tâm đổi mới. Đây là những khu vực địa lý mà những dạng thức ngôn ngữ cổ có thể vẫn tồn tại trong khi bản thân những dạng thức này đã bị xóa sổ hoặc thay thế bởi các dạng thức mới ở những nơi khác. Các đặc trưng quan trọng của vùng di tích bao gồm:

Sự cô lập về địa lý (Discontinuity): Một đặc điểm ngôn ngữ được coi là di tích khi nó xuất hiện ở các khu vực tách biệt nhau bởi các vùng trung gian đang có biến thể mới lưu hành. Ví dụ điển hình là các phương ngữ giữ âm /r/ ở Anh hiện nay chỉ còn tồn tại ở vùng cực Nam, Tây Nam và cực Bắc, trong khi vùng trung tâm đã hoàn toàn chuyển sang bỏ âm /r/ (Chambers & Trudgill, 1998: 94-95).

Ở Việt Nam, phương ngữ Trung là một vùng di tích do nó là vùng điển hình bị cô lập về địa lý. Về địa giới, vùng này “*đông giáp biên lớn, tây giáp núi lớn, nam lấy đỉnh Hoàng Sơn làm địa giới*” (Ngô Đức Thọ & cộng sự, 2003:1317). Xứ này cũng còn được gọi là *vùng đất tứ tắc*, bốn bề hiểm trở, đi lại, vào ra khó khăn (*Đại Nam nhất thống chí*), là nơi mà sự giao lưu tiếp xúc với bên ngoài cũng như trong vùng bị hạn chế và trở thành một nguyên nhân làm cho Nghệ Tĩnh biến đổi chậm hơn so với các vùng khác trong nước (Hoàng Trọng Canh, 2009:62). Vì thế mà phương ngữ Trung trở thành vùng bảo lưu những yếu tố cổ của tiếng Việt như *p, *b (không biến đổi thành v) và *k (không biến đổi thành g). Đó là những âm vị mà phương ngữ này vẫn lưu giữ của ngôn ngữ tiền thân chứ không biến đổi như tiếng Việt hiện đại (Trịnh Cẩm Lan, 2021); hai tổ hợp phụ âm cổ *tl và *kl và các dạng trung gian đã trải qua ở thời kì Việt Mường chung hiện vẫn còn được giữ lại trong tiếng địa phương Nghệ Tĩnh (Hoàng Thị Châu, 2004:145-147).

Giai đoạn muộn của quá trình thay thế: Sự tồn tại của các vùng di tích còn cho thấy một giai đoạn muộn trong quá trình thay thế các đặc điểm cổ từng phổ biến rộng rãi trong quá khứ (Chambers & Trudgill, 1998:94). Chẳng hạn, xét những biến đổi ngữ âm trong lịch sử tiếng Việt, có những diễn biến chỉ xảy ra cách đây vài thế kỉ nghĩa là ở giai đoạn muộn trong lịch sử tiếng Việt như *s > t, *p, *b > v, có diễn biến chỉ xảy ra cục bộ ở những phương ngữ Bắc và Nam như *p, *b > v, *k > g nhưng không xảy ra ở phương ngữ Trung (Nguyễn Tài Cẩn, 1995:275-276)². Điều này cho thấy vùng di tích này là nơi mà sự thay thế (nếu có) xảy ra muộn nhất.

Mạng lưới xã hội kín: Các vùng di tích thường được duy trì bởi các cộng đồng có mạng lưới xã hội dày đặc (vừa là họ hàng, vừa là hàng xóm, vừa là đồng nghiệp...) và ít tiếp xúc với các cộng đồng bên ngoài nên ít có cơ hội tiếp xúc với các biến thể ngoại lai. Mạng lưới này tạo nên sức đề kháng mạnh mẽ chống lại làn sóng hợp nhất phương ngữ từ các đô thị (Wolfram & Schilling-Estes, 2003:149).

Hiệu ứng phanh hãm: Sự cô lập về địa lý (núi cao, sông sâu, biển rộng, hải đảo) hoặc xã hội (mạng lưới kín, chặt chẽ, ít quan hệ với bên ngoài) đóng vai trò như một bộ phanh hãm, làm chậm tốc độ biến đổi ngôn ngữ so với các vùng trung tâm năng động. Những cư dân vùng di tích được xem như những “nhà sử học ngôn ngữ” chuyên lưu giữ những dấu vết của hệ thống cũ (Britain, 2003:205-207). Việc nghiên cứu vùng di tích cho phép các nhà ngôn ngữ học phục dựng lại bức tranh ngôn ngữ trong quá khứ và hiểu rõ hơn về lộ trình mà các làn sóng đổi mới đã đi qua (Chambers & Trudgill, 1998:167-168).

Mối quan hệ giữa tâm điểm đổi mới và vùng di tích tạo nên cái gọi là *Dải liên tục phương ngữ địa lý* (Geographical dialect continuum). Sự biến đổi không xảy ra một cách ngẫu nhiên mà tuân theo

² Ở đây, Nguyễn Tài Cẩn không nói rõ niên đại xảy ra những biến đổi này nhưng theo cách diễn đạt của ông “diễn biến nào có ở cả Khu IV và cả hai miền Bắc Nam thì đó là diễn biến toàn bộ, và là diễn biến xảy ra khá xưa (ví dụ *b > m, *p > b); còn diễn biến nào chỉ thấy ở Bắc Nam mà không thấy ở Khu IV thì đó là diễn biến xảy ra sau và là diễn biến cục bộ, ví dụ *p, *b > v, *k > g” (1995:276).

các quy luật có tính hệ thống. Theo đó, các đổi mới lan truyền mạnh mẽ ở những vùng có mạng lưới xã hội mở (đô thị), trong khi các đặc điểm cổ được bảo tồn tại các “ốc đảo”, nơi có các mạng lưới xã hội kín (nông thôn, vùng sâu). Việc nhận diện các khái niệm này giúp các nhà nghiên cứu không chỉ mô tả được trạng thái hiện tại của ngôn ngữ mà còn có thể truy nguyên về lịch sử di cư trong quá khứ và dự báo các xu hướng biến đổi trong tương lai.

2.2. Các nguyên lý khuếch tán không gian theo mô hình làn sóng

Mô hình làn sóng được xem là do các nhà nghiên cứu thuộc trường phái Truyền bá luận châu Âu nêu ra từ cuối thế kỉ XIX. Những người đầu tiên đề cập đến mô hình này là hai nhà nghiên cứu người Đức Johannes Schmidt và Hugo Schuchardt vào năm 1872 (Belik 2000). Các nhà truyền bá luận cũng như hai nhà nghiên cứu là tác giả của mô hình này đều chủ trương rằng, mọi sự biến đổi ngôn ngữ bao giờ cũng xuất phát từ một nơi rồi lan truyền ra các vùng khác và chính sự lan truyền ấy đã tạo nên động lực của sự phát triển ngôn ngữ.

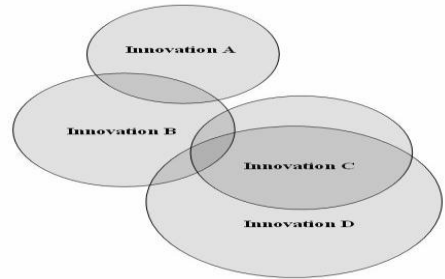
Từ mô hình ban đầu mà Johannes Schmidt và Hugo Schuchardt đưa ra (Hình 1), đến năm 1973, Charler Bailey khi bàn đến “Những phương pháp mới để phân tích biến thể trong tiếng Anh” đã đưa ra một mô hình làn sóng mới trên cơ sở kiểm chứng quy luật lan truyền của sóng ngôn ngữ trong ngôn ngữ học xã hội hiện đại (Walt & Fasold 1974).

Mô hình làn sóng mới của Charler Bailey được biểu diễn bằng những vòng sóng đồng tâm trong không gian và thời gian. Theo đó, các vòng sóng đều khởi phát từ một điểm rồi lan truyền đều đặn ra xung quanh (Hình 2 và 3) hoặc lan truyền theo một hướng (Hình 4) và tạo nên những khu vực ngôn ngữ (hay phương ngữ) gồm trung tâm và ngoại vi cùng có chung những đặc trưng ngôn ngữ nhất định.

Theo mô hình trên, từ điểm gốc của sự biến đổi (change origin), làn sóng thứ nhất (Wave 1) xuất hiện sớm nhất, rồi đến làn sóng thứ hai (Wave 2) và cuối cùng là làn sóng thứ ba (Wave 3). Ở cùng một lát cắt đồng đại, làn sóng xuất hiện sớm nhất sẽ lan toả ra xa nhất, làn sóng xuất hiện muộn nhất sẽ gần điểm khởi phát nhất.

Hình 3 là một mô phỏng *tiến trình lan truyền* của những biến đổi ngôn ngữ. Theo đó, 0 là dạng thức nguyên thủy tồn tại ở một vùng địa lí nào đó, được gọi là vùng lõi, còn **a**, **b**, **c**, **d** là những biến đổi bắt nguồn từ vùng lõi đó. Các biến đổi xuất hiện theo một trình tự thời gian tương đối (relative time), từ thời gian tương đối 0 (relative time 0) khi chưa xuất hiện sự biến đổi đến thời gian tương đối đầu tiên (relative time i) với biến đổi đầu tiên (**a**) - là sự biến đổi xuất hiện sớm nhất. Tiếp đó là các mốc thời gian tương đối ii, iii, iv tương ứng với các biến đổi tiếp theo **b**, **c**, **d**. Cứ mỗi một thời điểm, các biến đổi cũ lại lan dần như các vòng sóng ra vùng ngoại vi. Đến thời điểm iv, biến đổi đầu tiên (**a**) sẽ ra xa nhất (nơi vẫn được xem là *vùng di tích*) và trở thành biến thể cổ nhất.

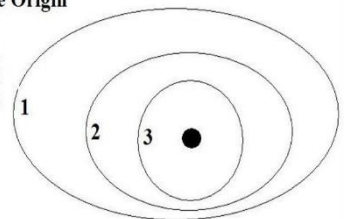
Fasold đã từng mô phỏng mô hình của Bailey 1973 theo một cách cơ động và biện chứng hơn. Theo đó, sự biến đổi xuất hiện sau không loại trừ hoàn toàn sự biến đổi xuất hiện trước và ở cùng một thời điểm, trên cùng một không gian (thể hiện bằng những vòng sóng) không chỉ có duy nhất một sự biến đổi tồn tại như mô hình Bailey nguyên thủy mà có thể có sự hiện diện đồng thời, như một sự tích hợp mọi biến đổi cho đến thời điểm đó như hình 4.



Hình 1. Mô hình làn sóng của Johannes Schmidt, 1872 (Nguồn: Asher, 1994)

● Change Origin

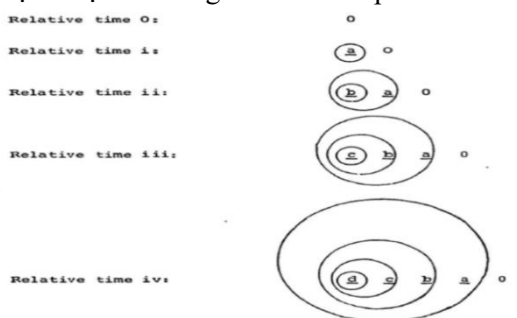
1 = Wave 1
2 = Wave 2
3 = Wave 3



The Wave Model of Language Change

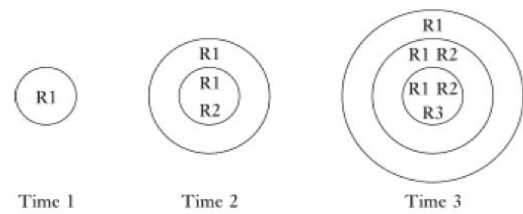
Hình 2. Mô hình làn sóng của sự biến đổi ngôn ngữ (mô phỏng mô hình của Charler Bailey, 1973)

làn sóng xuất hiện muộn nhất sẽ gần điểm khởi phát nhất.



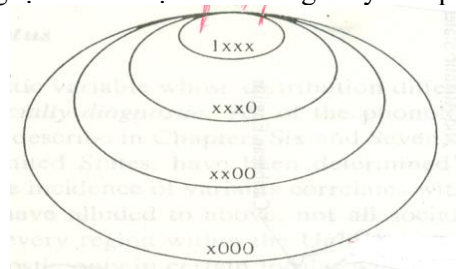
Hình 3. Mô hình làn sóng qua không gian xã hội và thời gian (Nguồn: Charler Bailey, 1973:68)

Theo Hình 4, nếu có ba sự biến đổi ngôn ngữ R1, R2 và R3 cùng bắt nguồn từ một khu vực địa lí, trong đó, các biến đổi xuất hiện theo một thứ tự thời gian, R1 là biến đổi xuất hiện sớm nhất, rồi đến R2 và cuối cùng là R3. Tại thời điểm 1, biến thể R1 có mặt tại điểm rơi của viên sỏi, tức vùng trung tâm - và còn giới hạn trong phạm vi hẹp. Ở giai đoạn này, đổi mới chưa lan ra ngoài cộng đồng gốc. Tại thời điểm 2, R1 lan rộng ra đến vòng tròn lớn hơn. Ở trung tâm xuất hiện thêm một biến đổi là R2. Do đó, vùng lõi có R1 + R2, vùng ngoài chỉ có R1. Tại thời điểm 3, biến thể R1 tiếp tục lan xa hơn, R2 lan ra khu vực trung gian, ở trung tâm xuất hiện thêm một biến đổi nữa là R3. Cấu trúc mô hình sóng lúc này là vùng lõi có R1 + R2 + R3, vùng giữa có R1 + R2, vùng ngoài chỉ có R1. Mô hình chung là các biến thể ngôn ngữ xếp chồng theo vòng sóng đồng tâm. Mô hình này giúp giải thích tại sao các vùng trung tâm đô thị thường có nhiều đổi mới hơn? Tại sao vùng ngoại vi thường bảo tồn đặc điểm cổ? Tại sao các đường đồng ngữ không rạch ròi mà tạo thành vùng chuyển tiếp?



Hình 4. Mô hình làn sóng theo không gian và thời gian
(Mô phỏng mô hình của của Charler Bailey, 1973)
(Nguồn: Walt W, Ralph W. Fasold, 1974:76)

Tuy vậy, mô hình trên vẫn thể hiện sự hạn chế ở giả định rằng sự lan truyền của sóng là đồng tâm và liên tục, ở việc không tính đến những cuộc di cư đột ngột (do chiến tranh hay chính biến), ở các loại mạng lưới xã hội, sự ảnh hưởng của truyền thông đại chúng hay những lan truyền “nhảy cóc” của các biến đổi ngôn ngữ. Bailey cũng biết mô hình sóng như Hình 2, Hình 3 và Hình 4 chỉ là mô hình lí tưởng. Sự phức tạp sẽ nảy sinh khi xuất hiện một vật cản nào đó - một yếu tố tự nhiên hay xã hội³ - làm chặn đứng sự lan truyền của sóng ở một điểm, tạo ra mô hình làn sóng lan truyền theo một hướng (Hình 5). Đó là bước phát triển và sự cơ động trong mô hình của Bailey.



Hình 5. Mô hình làn sóng mới theo một hướng của Charler Bailey, 1973 (Nguồn: Walt W, Ralph W. Fasold, 1974:77)

Về cơ chế khuếch tán và hiệu ứng khoảng cách, đặc điểm quan trọng nhất của mô hình làn sóng là tính liên tục về mặt không gian. Sự đổi mới có xu hướng di chuyển dọc theo các tuyến đường di cư hoặc giao thông hoặc sông ngòi. Sức mạnh của sự đổi mới cũng không được duy trì một cách đồng nhất, nó lan rộng theo cách ngày càng yếu đi khi khoảng cách từ tâm điểm tăng lên. Labov (2007:5) chỉ ra rằng quá trình khuếch tán này thường tạo ra một dải các giá trị giảm dần: các khu vực gần tâm có mức độ bão hòa biến thể mới cao nhất, trong khi các vùng xa xôi (ngoại vi) chỉ tiếp nhận biến thể ở mức độ thấp hoặc muộn hơn.

Trong nghiên cứu phương ngữ, mô hình làn sóng cho phép giải thích sự hình thành của các *Dải liên tục phương ngữ*, nơi các phương ngữ kề cận có khả năng hiểu nhau nhưng các phương ngữ ở hai đầu dải địa lí có thể khác biệt hoàn toàn. Nó cũng giúp nhận diện các *Vùng di tích* - những khu vực bị cô lập mà làn sóng đổi mới chưa chạm tới, đó sẽ là nơi bảo lưu được các đặc trưng ngôn ngữ cổ xưa (Chambers & Trudgill, 1998:167).

3. Sự khuếch tán không gian của hiện tượng hợp nhất /t/ > /c/, /s/ > /s/, /z/ > /z/ theo mô hình làn sóng tại Đồng bằng sông Hồng

3.1. Tư liệu và phương pháp nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Mô hình phát âm của ba phụ âm /t/ /s/ và /z/

- Các điều tra viên: là các sinh viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ngành Ngôn ngữ học) và sinh viên Trường Đại học Giáo dục (ngành Sư phạm Ngữ văn) thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội. Các sinh viên được hướng dẫn cách quan sát phát âm của người địa phương mình rồi ghi chép vào một Bảng hỏi in sẵn. Đây là cách thu thập tư liệu bằng quan sát tham dự trong đó người quan sát là người bản địa, ít nhiều có tri thức ngôn ngữ học và được hướng dẫn để quan sát một cách khách

³ Một rặng núi hiểm trở, một con sông sâu... có thể trở thành vật cản tự nhiên, một cuộc chính biến, một làn sóng di dân, một cộng đồng bảo thủ và khép kín... có thể trở thành một vật cản xã hội của những vòng sóng.

quan. Các điều tra viên được hướng dẫn để quan sát lời nói người dân trong ngữ cảnh tự nhiên nhất. Đây là phong cách phi hình thức (informal/casual style) mà ở đó người điều tra có thể quan sát được những hành vi ứng xử ngôn ngữ chân thực nhất.

- Tư liệu tham chiếu: Đề kiểm tra chéo các kết quả thu được, nghiên cứu còn tham chiếu với kết quả điều tra của “Chương trình điều tra tổng thể tiếng Việt 1998 - 2000, nội dung băng ghi âm điền dã” (số hiệu CT 127), hiện được lưu giữ tại Thư viện Viện Ngôn ngữ học.

- Không gian khảo sát: 11 tỉnh Đồng bằng sông Hồng và 3 tỉnh lân cận vùng núi và trung du xung quanh. Mỗi tỉnh/ thành phố, dữ liệu được lấy từ mỗi quận/huyện/thành phố trực thuộc tỉnh. Tổng số các điểm khảo sát là 356, mỗi điểm khảo sát có 2 - 3 sinh viên quan sát và ghi chép, sau đó thống nhất kết quả chung. Trong số 356 điểm, có 12 điểm có kết quả không thống nhất, chúng tôi tạm bỏ ra ngoài. Như vậy, tổng số điểm khảo sát được đưa vào phân tích là 344.

- Phương pháp phân tích dữ liệu: Dữ liệu điều tra bao gồm dữ liệu ngôn ngữ (các mô hình phát âm /t/ /s/ và /z/) và dữ liệu địa lý (kinh độ và vĩ độ của điểm điều tra) sẽ được mã hoá, nhập vào excell để vẽ bản đồ bằng ứng dụng ArcGIS Online theo hướng dẫn (Fukazawa, Mika 2017).

Sự phân bố các mô hình phát âm /t/ /s/ và /z/ trong không gian sẽ được giải thích bằng Mô hình sóng. Kết quả nghiên cứu này đã được công bố một phần trong Trịnh Cẩm Lan, 2026.



Hình 6. Đồng bằng sông Hồng (còn gọi là “tam giác châu thổ sông Hồng”) (Nguồn: Thư viện pháp luật Việt Nam, <https://thuvienphapluat.vn/>)

3.2. Kết quả nghiên cứu

a. Các biến thể phát âm của /t/

Về các biến thể phát âm, /t/ ở đồng bằng sông Hồng có bốn biến thể. Biến thể thứ nhất được phát âm là [t] với cấu âm đầu lưỡi - quặt, tắc, ồn, vô thanh. Biến thể thứ hai được phát âm như [c] với cấu âm mặt lưỡi, tắc, ồn, vô thanh. Biến thể thứ ba được phát âm như [t] với cấu âm đầu lưỡi - răng, tắc, ồn, vô thanh. Biến thể thứ tư được phát âm là [tl], một tổ hợp phụ âm phổ biến trong tiếng Việt thế kỉ XVII.

Về các mô hình phát âm theo địa phương, các biến thể của /t/ hiện diện khá phức tạp. Có địa phương, /t/ được phát âm đồng nhất chỉ với 1 biến thể, cũng có những địa phương, /t/ hiện diện với 2, 3 biến thể khác biệt. Một cách tương đối, theo địa phương, có thể quan sát thấy 4 mô hình phát âm sau:

Mô hình	Các biến thể	Số địa phương	Đặc trưng
1	[c]	198	Tất cả các tầng lớp, độ tuổi, nghề nghiệp > biến đổi đều đặn, nhất loạt
2	[c]; [t]	95	Tính xu hướng theo tuổi và giới: [t]: lớn tuổi, đàn ông; [c]: trẻ tuổi, phụ nữ
3	[c]; [t]; [tl]	50	Biến thể [t] chủ yếu ở phụ nữ lớn tuổi
4	[c]; [tl]	1	Biến thể [tl] ở một số người già

Có thể thấy, biến thể [c] có ở tất cả 344 địa phương khắp đồng bằng sông Hồng. Hiện thực này cho thấy xu hướng hợp nhất hai âm vị /t/ với /c/ thành /c/ là rất nổi trội. Xu hướng này cũng được nhiều nghiên cứu đi trước thừa nhận.

b. Các biến thể phát âm của /s/

Về các biến thể phát âm, /s/ ở đồng bằng sông Hồng có 3 biến thể: Biến thể thứ nhất được phát âm là [s] với cấu âm đầu lưỡi - quặt, xát, ồn, vô thanh. Biến thể thứ hai được phát âm như [s] với cấu âm đầu lưỡi bẹt, xát, ồn, vô thanh. Biến thể thứ ba được phát âm như [t'] với cấu âm đầu lưỡi bẹt, tắc, ồn, bật hơi.

Về các mô hình phát âm theo địa phương, tư liệu ghi nhận 3 mô hình:

Mô hình	Các biến thể	Số địa phương	Đặc trưng
1	[s]	218	Tất cả các tầng lớp, độ tuổi, nghề nghiệp > biến đổi đều đặn, nhất loạt
2	[s]; [s̺]	89	Tính xu hướng theo tuổi và giới: [s̺]: lớn tuổi, đàn ông; [s]: trẻ tuổi, phụ nữ
3	[s]; [s̺]; [t']	37	Biến thể [t'] chủ yếu ở người lớn tuổi

Như vậy, biến thể /s/ = [s] có ở tất cả 344 địa phương khắp bề mặt đồng bằng, hiện diện ở mọi mô hình phát âm trong khi biến thể /s/ = [ʃ] thì không còn là biến thể duy nhất ở bất cứ địa phương nào. Nếu ở /t/, xu hướng hợp nhất với /c/ là nổi trội thì ở /s/, xu hướng hợp nhất với /s/ cũng là một hiện thực rộng khắp.

c. Các biến thể phát âm của /z/

Về các biến thể phát âm, /z/ ở đồng bằng sông Hồng có 2 biến thể: Biến thể thứ nhất được phát âm là [z] với cấu âm đầu lưỡi quặt (đôi khi được phát âm rung lưỡi), xát, ồn, hữu thanh. Biến thể thứ hai được phát âm như [ʒ] với cấu âm đầu lưỡi bẹt, xát, ồn, hữu thanh.

Về các mô hình phát âm theo địa phương, tư liệu ghi nhận 2 mô hình:

Mô hình	Các biến thể	Số địa phương	Đặc trưng
1	[z]	222	Tất cả các tầng lớp, độ tuổi, nghề nghiệp > biến đổi <i>đều đặn, nhất loạt</i>
2	[z]; [ʒ]	122	Tính xu hướng theo tuổi và giới: [z]: lớn tuổi, đàn ông; [ʒ]: trẻ tuổi, phụ nữ

Ở /z/, xu hướng hợp nhất với /z/ là một hiện thực có ở cả 344 địa phương. Điều này cũng được các nhà nghiên cứu đi trước ghi nhận (Hoàng Thị Châu 2004:135; Nguyễn Tài Cẩn, 1995:114). Theo Nguyễn Tài Cẩn, ở miền Bắc, R, cùng với D, GI phát âm nhập làm một thành [z]. Riêng Hà Nội, các trí thức, khi phát âm các từ phiên âm có /z/ như *radio*, *ra đa* thì lại phát âm rung lưỡi (1995:114).

Các mô hình phát âm của cả ba phụ âm /t/, /s/ và /z/ thành các xu hướng có thể quan sát qua bản đồ dưới đây:

Chú thích:

A: Xu hướng hợp nhất /t/ với /c/, /s/ với /s/, /z/ với /z/

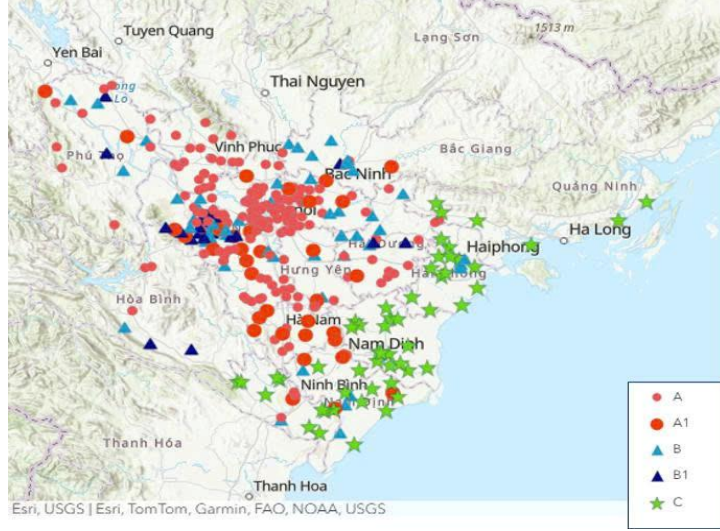
A1: Xu hướng hợp nhất /t/ với /c/, /s/ với /s/, /z/ với /z/ nhưng không triệt để

B: Xu hướng phân biệt /t/ với /c/, /s/ với /s/, /z/ với /z/

B1: Xu hướng phân biệt /t/ với /c/, /s/ với /s/, /z/ với /z/ nhưng không triệt để

C: Xu hướng phân biệt /t/ với /c/, /s/ với /s/, /z/ với /z/, có giữ lại một vài biến thể cổ hơn. (Nguồn: Trịnh Cẩm Lan, 2026)

Bản đồ cho thấy xu hướng hợp nhất nói chung hiện diện khắp trung tâm đồng bằng sông Hồng, là một xu hướng mạnh. Xu hướng phân biệt yếu hơn, xuất hiện rải rác ở khu vực đỉnh và trung tâm của tam giác châu thổ và dày đặc hơn ở đáy tam giác, tức vùng duyên hải từ Quảng Ninh, Hải Phòng đến Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình cũ. Nếu coi Đồng bằng sông Hồng là một mặt hồ lớn thì Hà Nội có thể xem là nơi viên sỏi rơi xuống và thành phố này đã tạo ra một làn sóng hợp nhất /t/ với /c/, /s/ với /s/, và /z/ với /z/ mạnh mẽ, lan toả và làm “phẳng” dần bức tranh ngữ âm của toàn vùng. Những nơi càng gần Hà Nội thì sự hợp nhất càng mạnh, đạt độ bão hoà, trong khi ở những vùng biên xa xôi, mặt hồ vẫn còn những “gợn sóng” cũ của hệ thống các biến thể quặt lưỡi [t], [s] và [z] có lẽ sẽ dần tan biến trong tương lai.



Hình 7. Các xu hướng phát âm /t/ /s/ và /z/ ở đồng bằng sông Hồng

3.3. Sự phân bố các xu hướng phát âm theo mô hình làn sóng

Mô hình làn sóng đặc trưng bởi tính liên tục của không gian vật lí, nơi sự đổi mới lan toả, thấm thấu dần dần sang các cộng đồng cư dân lân cận. Các nhà phương ngữ học gọi đây là hiệu ứng láng giềng (neighborhood effect).

Để “giải phẫu” bức tranh phương ngữ học tại Đồng bằng sông Hồng thể hiện qua sự phân bố các xu hướng phát âm /t/, /s/, /z/ theo mô hình làn sóng, mặc dù kết quả khảo sát được thực hiện trên diện đồng đại nhưng chúng tôi sẽ không chỉ nhìn vào các lát cắt tĩnh mà sẽ lồng ghép sự vận động của không gian và thời gian - vốn là cốt lõi của các nguyên lí trong mô hình làn sóng (Hình 2, 3, 4).

3.3.1. Hà Nội như một Vùng tiêu điểm

Hình 2 và 3 cho chúng ta biết mô hình về sự khởi phát của một biến đổi. Nếu coi sự hợp nhất các phụ âm đầu quặt lưỡi /t/, /s/, /z/ với các phụ âm mặt lưỡi /c/ và đầu lưỡi /s/, /z/ tương ứng là một sự “đổi mới/ cách tân”, thì Hà Nội chính là tâm điểm tạo ra xung lực này.

Sự phân bố ở Hình 7 cho thấy xu hướng A (hợp nhất hoàn toàn) chiếm lĩnh tuyệt đối không gian vùng lõi. Điều này phản ánh nguyên lý *sự biến đổi bắt đầu từ một điểm (tâm sóng) và lan toả ra xung quanh theo các vòng tròn đồng tâm*. Ở đây, yếu tố “uy tín xã hội” của biến thể Hà Nội đóng vai trò như năng lượng của viên sỏi. Trong ngôn ngữ học không gian, các trung tâm đô thị lớn luôn là nơi “phát sóng” mạnh nhất vì chúng là đầu mối của mọi mạng lưới tiếp xúc (Chambers & Trudgill, 1998:167).

3.3.2. Sự khuếch tán không gian và Hiệu ứng láng giềng

Sự phân bố các xu hướng phát âm cho thấy rõ tính liên tục của không gian địa lí. Các khu vực càng gần Hà Nội, sự hợp nhất càng diễn ra triệt để và đồng nhất. Đây chính là hiệu ứng láng giềng, nơi sự đổi mới thâm thấu dần sang các cộng đồng cư dân lân cận thông qua tiếp xúc trực tiếp. Như Labov đã chỉ ra, sự khuếch tán này không diễn ra tức thì mà là một quá trình “thâm thấu dần dần qua tiếp xúc giữa những người trưởng thành” (Labov, 2007:5).

Vùng trung tâm là vùng đã hợp nhất hoàn toàn. Tại khu vực lõi (vùng tiêu điểm) và trung tâm tam giác châu thổ, xu hướng hợp nhất (xu hướng A, Hình 7) chiếm ưu thế tuyệt đối. Dữ liệu cho thấy các biến thể [c], [s], [z] xuất hiện ở tất cả các địa điểm điều tra, ở mọi mô hình phát âm, cho thấy đây là một làn sóng đã quét qua và làm “phẳng” bức tranh ngữ âm của vùng lõi.

Vùng chuyển tiếp là những vùng xa hơn. Ở đó, chúng ta thấy sự phân bố đan xen của các biến thể (xu hướng A1), các biến thể mới [c], [s], [z] đã lan tới nhưng các biến thể cũ [t], [s], [z] vẫn hiện diện ở một vài nhóm xã hội như người lớn tuổi, đàn ông. Như vậy, đây là nơi làn sóng đổi mới từ Hà Nội đã tràn tới nhưng chưa thay thế hoàn toàn hệ thống cũ. Tại đây, sự biến đổi thường gắn liền với yếu tố xã hội. Theo đó, người trẻ (học sinh, sinh viên), phụ nữ và trí thức thường dẫn đầu làn sóng hợp nhất, trong khi nhiều người già và đàn ông vẫn giữ cách phát âm phân biệt - điều này dường như là một nguyên lý chung trong các biến đổi phương ngữ (Hoàng Thị Châu, 2004:246-248).

3.3.3. Sự tương tác không gian - thời gian và hiệu ứng phanh hãm ở các vùng di tích

Đây là điểm mấu chốt để hiểu tại sao Đồng bằng sông Hồng không “phẳng” một cách đồng nhất. Hình 4 và 5 đã minh họa nguyên lý rất căn bản của làn sóng, đó là càng xa tâm sóng, thời gian để biến đổi chạm đến càng chậm và cường độ biến đổi càng yếu. Nguyên lý này thể hiện qua các yếu tố:

- Về thời gian: Các tỉnh tiếp giáp Hà Nội như Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Nam nằm ở “vòng sóng thứ nhất” (vùng trung tâm). Tại đây, như đã phân tích, sự hợp nhất gần như đã hoàn tất vì làn sóng đã tràn qua. Tuy nhiên, để sóng có thể lan tới các vùng ngoại vi, cần có một độ trễ về thời gian.

- Về không gian: Một nguyên lý cốt lõi của mô hình làn sóng là sức mạnh của sự đổi mới sẽ yếu dần khi khoảng cách từ tâm điểm tăng lên. Vùng ngoại vi - các khu vực xa xôi hơn như vùng duyên hải (Quảng Ninh, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình) hoặc vùng bán sơn địa phía Tây (Ba Vì, Hoà Bình, Phú Thọ...), làn sóng hợp nhất từ Hà Nội khi chạm đến đây đã bị suy yếu. Kết quả là các khu vực này trở thành những vùng di tích, nơi các đặc điểm ngôn ngữ cổ (phát âm phân biệt [t] - [c], [s] - [z] - [z]) vẫn còn được bảo lưu trong thế tranh chấp với biến thể hợp nhất. Trên bản đồ Hình 7, điều này đã được chứng minh qua các mô hình phát âm phân biệt chủ yếu co cụm ở rìa ngoài của Đồng bằng sông Hồng (xu hướng C), nơi làn sóng đổi mới chưa thể “nhấn chìm” hoàn toàn các đặc trưng bản địa cổ xưa do năng lượng sóng đã yếu, lại gặp phải các rào cản truyền thống, các “chuẩn mực địa phương” và sự cô lập tương đối của vùng bán sơn địa phía Tây và vùng nông thôn duyên hải phía Đông.

- Về hiệu ứng phanh hãm: Theo nguyên lý làn sóng, ngoài độ trễ về thời gian và khoảng cách không gian, còn có các bộ phanh hãm. Ở các vùng di tích nêu trên, sự tồn tại của các tiếng địa phương có tính tự trị cao và bản sắc cộng đồng mạnh đã tạo ra một lực cản. Hình 7 cho thấy xu hướng phân biệt ở đây không phải là ngẫu nhiên mà nó tạo thành một *dải liên tục phương ngữ* (như nguyên lý mà Chambers & Trudgill đã đề cập). Điều này minh chứng cho sự kháng cự của hệ thống cũ trước làn sóng đổi mới.

Hiện tượng tồn tại của biến thể phát âm cũ ở các vùng di tích ven Đồng bằng sông Hồng tương đồng với hiện tượng giữ lại âm /r/ (rhoticity) ở vùng Tây Nam nước Anh. Trong khi London và các vùng phụ cận đã mất âm /r/ từ lâu (hợp nhất), thì các vùng xa xôi vẫn giữ nó như một “di tích” ngữ âm,

chứng tích của một giai đoạn phát triển trong lịch sử tiếng Anh mà giờ đây cũng gần như biến mất (Chambers & Trudgill, 1998:180).

Có thể khẳng định, hiện tượng mất dần dãy phụ âm quặt lưỡi ở Đồng bằng sông Hồng và sự lan truyền của nó trong không gian đã phản ánh một quy luật biến đổi và khuếch tán ngữ âm phổ quát. Có thể thấy rõ hơn tính quy luật này qua các trường hợp kinh điển khác. Thứ nhất, đó là làn sóng lan truyền âm /r/ lưỡi gà (uvular /r/) bắt nguồn từ Paris vào thế kỉ XVII rồi lan toả theo mô hình làn sóng sang các nước láng giềng. Nó “nhảy” sang các thành phố lớn trước theo mô hình trọng lực rồi mới thẩm thấu dần vào các làng quê xung quanh theo mô hình làn sóng và cuối cùng nó truyền ra khắp châu Âu. Thứ hai, đó là sự biến đổi và hợp nhất các nguyên âm ở Bắc Mỹ. Labov đã phân tích sự lan truyền của các hệ thống nguyên âm ở New York và các vùng lân cận, nơi các biến đổi lan toả theo các con sông hay các trục giao thông chính, tạo ra các dải liên tục phương ngữ. Mô hình biến đổi này tương tự như sự lan toả hiện tượng hợp nhất ngữ âm theo hệ thống sông Hồng ra khắp đồng bằng rộng lớn này (Labov, 2010:321).

4. Kết luận

Có thể nói, bức tranh ngữ âm Đồng bằng sông Hồng là một ví dụ điển hình của mô hình làn sóng. Sự phân bố các xu hướng phát âm /t/ /s/ và /z/ không phải là sự chia cắt rạch ròi mà là một sự chuyển tiếp dần dần theo không gian và thời gian. Từ tâm điểm Hà Nội (hợp nhất 100%), sóng lan ra làm mờ dần các ranh giới phân biệt, chỉ còn những vùng duyên hải xa xôi và vùng đồi núi phía tây là còn giữ được hình bóng của hệ thống âm quặt lưỡi cũ. Tuy nhiên, dưới áp lực của giao thương và truyền thông, các vùng di tích này cũng đang dần bị thu hẹp, minh chứng cho việc làn sóng vẫn đang tiếp tục lan toả và san phẳng những điểm “gồ ghề” nhất trên bề mặt đồng bằng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

1. Hoàng Trọng Canh (2009). *Từ địa phương Nghệ Tĩnh*. NXB Khoa học xã hội. Hà Nội.
2. Nguyễn Tài Cẩn (1995). *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt*. NXB Giáo dục. Hà Nội.
3. House Publishers & Rowley, Massachusetts. Hoàng Thị Châu (2004). *Phương ngữ học tiếng Việt*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Trịnh Cẩm Lan (2017). *Tiếng Hà Nội - từ hướng tiếp cận phương ngữ học xã hội*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
5. Trịnh Cẩm Lan (2021). *Phương ngữ Khu IV từ góc nhìn lịch sử (từ những kiến giải của Nguyễn Tài Cẩn)*. Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế “Nguyễn Tài Cẩn: Tư tưởng, Tác phẩm và Kỷ niệm”. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, ISBN: 978-604-342-505-5, tr.179-201.
6. Ngô Đức Thọ và cộng sự (2003). *Đồng Khánh dư địa chí*. NXB Thế giới. 2003.
7. Đoàn Thiện Thuật (2016). *Ngữ âm tiếng Việt*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. Hà Nội.
8. Thư viện pháp luật Việt Nam, <https://thuvienphapluat.vn/>

Tiếng Anh:

9. Asher R. E. (1994). *The Encyclopedia of Languages and Linguistics*. Pergamon Press.
10. Bailey, Charles-James N. 1973. *Variation and Linguistic Theory*. Arlington: Center for Applied
11. Britain, D., & Cheshire, J. (Eds.). (2003). *Social Dialectology: In honour of Peter Trudgill*. John Benjamins.
12. Chambers, J. K. & Trudgill, P. (2004). *Dialectology*. Cambridge University Press, Cambridge.
13. Fukazawa, M. (2017). *Manual for drawing geolinguistics maps with Arc-GIS online*. Proceedings of the Workshop Geolinguistic Method and Southeast Asian Linguistics, Research Institute for Languages and Cultures of Asia and Africa, Tokyo University of Foreign Studies, Tokyo, 16-33.
14. Labov W (2007), Transmission and Diffusion, *Language* 83(2): 3-40.
15. Labov, W. (2010). *Principles of Linguistic Change, Volume 3: Cognitive and Cultural Factors*. Wiley-Blackwell: 312-330.
16. Meyerhoff, M. (2018). *Introducing Sociolinguistics* (3rd ed.). Routledge.
17. Trinh, Cam Lan (2026). *Characteristics and distribution of variations of /t/, /s/, and /z/ in the Red River Delta, Vietnam*. In TAKEKOSHI, T., NOHARA, M., & SUZUKI, H. (2026). *Sky above, great wind: Festschrift in honour of Professor Mitsuaki Endo on his retirement*, Vol. 2, pp. 20-44, Tokyo: Geolinguistic Society of Japan. ISSN: 2436-6471. DOI: <https://zenodo.org/records/19347934>.
18. Trudgill, P., (1974). “Linguistic Change and Diffusion: Description and Explanation in Sociolinguistic Dialect Geography.” *Language in Society* 2:215-246.
19. Wolfram, W. & Fasold W. R (1974), *The study of Social Dialect in American English*, Newbury